TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST Ngày 29-9-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 886/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 953/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc N; nơi cư trú: Số C Chợ H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị L; ĐKHKTT: Tổ C khu B phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số A T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N trình bày:

Ông và bà Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 08/4/1994.

Sau khi kết hôn ông bà sống hòa thuận đến đầu năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình và bạn bè đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/12/2003 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà L cũng như tống đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy mời, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà L hợp lệ nhưng tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải bà L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, ông N giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc N được ly hôn bà Lê Thị L. Về việc nuôi con: Ông bà có hai con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/12/2003 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc chia tài sản: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông N được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn bà Lê Thị L cư trú trên địa bàn quận L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Ông Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 08/4/1994. Vì vậy, hôn nhân giữa ông N và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải 02 lần nhưng bà L đều vắng mặt thể hiện không thiện chí kết hợp với Toà án để hoà giải việc đoàn tụ gia đình.

[4] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Xét mâu thuẫn giữa ông N và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà L.

+ Về việc nuôi con:

[5] Ông Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị L có hai chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/12/2003 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Ông Nguyễn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông N sinh năm 1962 là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị L.

- Về việc nuôi con: Ông Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị L có hai con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 22/11/1991 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/12/2003 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Ông Nguyễn Ngọc N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Miễn cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Lê Thị L1 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 08/4/1994);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương